|  |  |
| --- | --- |
| **CHÍNH PHỦ** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
| Số:  /2020/NĐ-CP | *Hà Nội, ngày   tháng   năm 2020* |

**DỰ THẢO**

**NGHỊ ĐỊNH**

**Về quản lý giống cây trồng lâm nghiệp**

*Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Luật Lâm nghiệp ngày 15 tháng 11 năm 2017;*

*Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;*

*Chính phủ ban hành Nghị định về quản lý giống cây trồng lâm nghiệp.*

**Chương I**

**QUY ĐỊNH CHUNG**

**Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**

Nghị định này quy định về quản lý giống cây trồng lâm nghiệp, gồm: bảo tồn nguồn gen; nghiên cứu chọn, tạo, khảo nghiệm giống; công nhận giống và nguồn giống; quản lý chất lượng vật liệu giống; sản xuất, kinh doanh giống và xuất khẩu, nhập khẩu giống cây trồng lâm nghiệp.

**Điều 2. Đối tượng áp dụng**

Nghị định này áp dụng đối với tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước có các hoạt động liên quan đến nội dung quy định tại Điều 1 Nghị định này.

**Điều 3. Giải thích từ ngữ**

1. *Giống cây trồng lâm nghiệp* là một quần thể cây trồng lâm nghiệp có thể phân biệt được với quần thể cây trồng lâm nghiệp khác thông qua sự biểu hiện của ít nhất là một đặc tính và di truyền được cho đời sau; đồng nhất về hình thái, ổn định qua các chu kỳ nhân giống; có giá trị canh tác, giá trị sử dụng.

2. *Cây đầu dòng* là cây có năng suất, chất lượng cao và ổn định, có tính chống chịu tốt hơn các cây khác trong quần thể một giống (giống địa phương, giống mới chọn tạo, giống nhập nội) của giống được công nhận qua khảo nghiệm dòng vô tính để cung cấp vật liệu nhân giống vô tính.

3. *Vườn cây đầu dòng* là vườn cây được trồng bằng cây giống vô tính nhân từ cây đầu dòng để cung cấp vật liệu sản xuất giống vô tính.

4. *Vật liệu giống* là cây hoặc bộ phận của cây có khả năng phát triển thành một cây mới dùng để nhân giống hoặc để gieo trồng.

5. *Giống gốc* là giống được nhân giống bằng vật liệu giống lấy trực tiếp từ cây đầu dòng để làm vật liệu nhân giống cho lần nhân giống tiếp theo.

6*. Phục tráng giống gốc* là áp dụng các biện pháp kỹ thuật nhằm duy trì, khôi phục các tính trạng ban đầu của giống, khắc phục hiện tượng giống thoái hoá, năng suất, chất lượng giảm sút.

7. *Nguồn giống* là nơi cung cấp vật liệu nhân giống, gồm: lâm phần tuyển chọn, rừng giống chuyển hóa, rừng giống trồng, vườn giống, cây trội và vườn cây đầu dòng.

8. *Lâm phần tuyển chọn* là khu rừng tự nhiên hoặc rừng trồng có chất lượng trên mức trung bình, được chọn để cung cấp giống tạm thời cho sản xuất, nhưng chưa được tác động bằng các biện pháp kỹ thuật lâm sinh hoặc chưa qua đánh giá để công nhận là rừng giống chuyển hóa.

9. *Rừng giống chuyển hóa* là rừng giống được chọn từ những lâm phần tốt nhất trong rừng tự nhiên hoặc rừng trồng được tác động bằng các biện pháp kỹ thuật lâm sinh theo quy định để lấy giống.

10. *Rừng giống trồng* là rừng giống được trồng bằng cây gieo ươm từ hạt thu hái từ cây trội và trồng không theo sơ đồ.

11. *Vườn giống* là vườn được trồng theo sơ đồ nhất định từ các dòng vô tính (vườn giống vô tính) hoặc từ hạt của cây trội (vườn giống hữu tính) đã được tuyển chọn và công nhận.

12. *Cây trội (cây mẹ)* là cây tốt nhất được tuyển chọn trong rừng tự nhiên, rừng trồng, cây trồng phân tán, rừng giống hoặc vườn giống được sử dụng để lấy vật liệu giống.

13. *Khảo nghiệm giống* là quá trình bố trí thí nghiệm, trồng khảo nghiệm và theo dõi, đánh giá trong điều kiện và thời gian nhất định nhằm xác định năng suất, chất lượng và khả năng chống chịu sâu bệnh hại và điều kiện bất lợi của giống.

14. *Khảo nghiệm loài, xuất xứ* là khảo nghiệm so sánh các loài hoặc các xuất xứ của loài trên một hoặc một số điều kiện lập địa nhất định nhằm chọn được những loài hoặc xuất xứ có tính trạng mong muốn.

15. *Khảo nghiệm hậu thế* là khảo nghiệm so sánh cây thế hệ sau của các cây trội đã được chọn lọc và đánh giá nhằm chọn được cây trội có khả năng di truyền các đặc tính mong muốn cho đời sau.

16. *Khảo nghiệm dòng vô tính* là khảo nghiệm đánh giá các dòng vô tính mới chọn tạo so với giống đã có hoặc giống đang được gieo trồng phổ biến tại địa phương.

17. *Trồng thử nghiệm* là quá trình đưa giống cây trồng lâm nghiệp chưa được công nhận, nhập khẩu lần đầu hoặc giống cây bản địa đã tồn tại lâu dài trong sản xuất đến trồng thử tại một nơi trồng mới không thuộc vùng phân bố tự nhiên của giống nhằm đánh giá tính thích nghi, năng suất, chất lượng và giá trị của giống.

**Điều 4. Nguyên tắc**

1. Quản lý hoạt động sản xuất, kinh doanh giống cây trồng lâm nghiệp nhằm nâng cao chất lượng giống, đặc biệt đối với cây trồng lâm nghiệp chính.

2. Nhà nước bảo hộ quyền sở hữu, quyền tác giả giống cây trồng lâm nghiệp mới được chọn, tạo theo quy định của pháp luật hiện hành.

3. Tổ chức, cá nhân chịu trách nhiệm về chất lượng giống cây trồng lâm nghiệp do mình sản xuất, kinh doanh theo quy định của pháp luật.

4. Khuyến khích xã hội hóa các hoạt động liên quan đến giống cây trồng lâm nghiệp.

5. Ứng dụng khoa học công nghệ trong các khâu, các hoạt động quản lý giống cây trồng lâm nghiệp.

6. Việc nghiên cứu, chọn tạo, khảo nghiệm giống cây trồng lâm nghiệp biến bổi gen thực hiện theo quy định của pháp luật về quản lý cây trồng biến đổi gen.

7. Nhà nước có chính sách đầu tư và hỗ trợ đầu tư cho các hoạt động bảo tồn nguồn gen; nghiên cứu chọn, tạo, khảo nghiệm giống; công nhận giống và nguồn giống; quản lý chất lượng vật liệu giống; sản xuất, kinh doanh giống và xuất khẩu, nhập khẩu giống cây trồng lâm nghiệp.

**Chương II**

**QUẢN LÝ GIỐNG CÂY TRỒNG LÂM NGHIỆP**

**Mục 1**

**BẢO TỒN NGUỒN GEN GIỐNG CÂY TRỒNG LÂM NGHIỆP**

**Điều 5. Điều tra, thu thập và đánh giá nguồn gen giống cây trồng lâm nghiệp**

1. Đối với các giống cây trồng lâm nghiệp đã được công nhận thì tổ chức, cá nhân là tác giả, đơn vị tác giả giống phải lưu giữ tại hiện trường và trong phòng thí nghiệm để bảo tồn nguồn gen.

2. Đối với các giống cây trồng lâm nghiệp tồn tại phổ biến trong sản xuất (giống cây lâm sản ngoài gỗ, giống cây bản địa), giống cây lâm nghiệp nhập khẩu chưa được công nhận, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn căn cứ nhu cầu và điều kiện thực tế đặt hàng cho tổ chức, cá nhân có năng lực và điều kiện phù hợp điều tra, thu thập định kỳ.

3. Nguồn gen giống cây lâm nghiệp được thu thập dưới dạng hạt giống, cây giống, hom giống hoặc vật liệu di truyền của giống cây lâm nghiệp phụ thuộc vào từng loài cây.

4. Kết quả điều tra, thu thập phải được tư liệu hóa mô tả rõ các thông tin có liên quan đến việc điều tra thu thập như địa điểm, thời gian, loại mẫu vật, số lượng, hình thức thu thập.

5. Đánh giá nguồn gen giống cây lâm nghiệp

a) Đánh giá nguồn gen giống cây lâm nghiệp bao gồm các hoạt động giải mã gen, đánh giá đa dạng di truyền, đánh giá chỉ tiêu lâm học, sinh học và giá trị sử dụng của nguồn gen giống cây lâm nghiệp.

b) Căn cứ nhu cầu khai thác, sử dụng thông tin về nguồn gen giống cây lâm nghiệp, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đặt hàng cho tổ chức, cá nhân có đủ năng lực thực hiện hoạt động giải mã gen, đánh giá đa dạng di truyền, đánh giá chỉ tiêu lâm học, sinh học và giá trị của nguồn gen giống cây lâm nghiệp.

**Điều 6. Lưu giữ và xây dựng ngân hàng gen giống cây lâm nghiệp**

1. Nguồn gen giống cây trồng lâm nghiệp được lưu giữ tại các cơ quan nghiên cứu về lâm nghiệp, các vườn quốc gia, các khu bảo tồn thiên nhiên và các tổ chức cá nhân khác.

2. Tùy thuộc vào nguồn lực và điều kiện thực tế, việc lưu giữ có thể thực hiện theo một trong hai hoặc cả hai hình thức:

a) Lưu giữ tại chỗ (lưu giữ in-situ) là lưu giữ ngay trong khu phân bố tự nhiên của giống cây lâm nghiệp.

b) Lưu giữ chuyển chỗ (lưu giữ ex-situ): là lưu giữ ngoài phạm phân bố của giống cây lâm nghiệp trong ngân hàng gen (trong kho lạnh, trong nitơ lạnh hoặc các hình thức bảo quản phù hợp khác khi có các công nghệ mới); hoặc trong ống nghiệm (lưu giữ in-vitro); hoặc DNA hoặc lưu giữ bằng việc xây dựng vườn thực vật, quần thụ bảo tồn gen, rừng giống, vườn giống;

**Điều 7. Xây dựng cơ sở dữ liệu, hệ thống thông tin tư liệu nguồn gen giống cây lâm nghiệp**

1. Dữ liệu về nguồn gen giống cây lâm nghiệp được tổ chức, cá nhân thực hiện các hoạt động quy định tại Điều 5, Điều 6 Nghị định này và tổ chức, cá nhân có liên quan (người cung cấp thông tin) thiết lập để phục vụ quản lý, khai thác, sử dụng nguồn gen giống cây lâm nghiệp.

2. Dữ liệu về nguồn gen giống cây lâm nghiệp được lưu trữ dưới các hình thức phiếu điều tra, phiếu mô tả, phiếu đánh giá, tiêu bản, hình vẽ, bản đồ phân bố, ảnh, ấn phẩm, cơ sở dữ liệu dạng văn bản hoặc số hóa (bao gồm số liệu cơ bản về nguồn gen và các thông tin liên quan đến nguồn gen).

3. Dữ liệu về nguồn gen giống cây lâm nghiệp được lưu giữ tại các tổ chức, cá nhân thực hiện các nhiệm vụ bảo tồn nguồn gen và Tổng cục Lâm nghiệp.

4. Chia sẻ về dữ liệu nguồn gen giống cây lâm nghiệp được thực hiện theo quy định của pháp luật hiện hành.

**Muc 2**

**NGHIÊN CỨU CHỌN TẠO, KHẢO NGHIỆM**

**GIỐNG CÂY TRỒNG LÂM NGHIỆP**

**Điều 8. Nghiên cứu chọn, tạo giống cây lâm nghiệp**

1. Tổ chức, cá nhân được nghiên cứu chọn, tạo giống cây trồng lâm nghiệp mới trên lãnh thổ Việt Nam.

2. Nghiên cứu chọn, tạo và chuyển giao giống và kỹ thuật nhân giống cây trồng lâm nghiệp được thực hiện theo quy định của pháp luật về khoa học và công nghệ, chuyển giao công nghệ, đa dạng sinh học và các quy định khác của pháp luật có liên quan.

**Điều 9. Khảo nghiệm giống cây trồng lâm nghiệp**

1. Đối tượng khảo nghiệm: giống cây trồng lâm nghiệp chọn tạo trong nước; giống cây trồng lâm nghiệp chưa được công nhận, nhập khẩu lần đầu.

2. Hình thức khảo nghiệm: khảo nghiệm loài, khảo nghiệm xuất xứ, khảo nghiệm hậu thế, khảo nghiệm dòng vô tính.

3. Nội dung đánh giá khảo nghiệm

a) Đánh giá giá trị canh tác và giá trị sử dụng về năng suất, chất lượng, khả năng chống chịu sâu bệnh hại và điều kiện bất lợi theo các tiêu chuẩn quốc gia về khảo nghiệm.

b) Đánh giá tính khác biệt, tính đồng nhất và tính ổn định của giống cây trồng lâm nghiệp theo các tiêu chuẩn quốc gia về khảo nghiệm. Phương pháp giải trình tự gen được sử dụng thay thế phương pháp khảo nghiệm tính khác biệt để kiểm tra tính đúng giống.

**Điều 10. Điều kiện cơ sở khảo nghiệm giống cây trồng lâm nghiệp**

1. Người trực tiếp phụ trách khảo nghiệm có trình độ từ đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành lâm sinh, sinh học.

2. Có hoặc thuê địa điểm, cơ sở hạ tầng và trang thiết bị phù hợp để thực hiện khảo nghiệm theo tiêu chuẩn quốc gia về khảo nghiệm giống cây trồng lâm nghiệp đối với loài cây trồng được khảo nghiệm.

**Điều 11. Trồng thử nghiệm giống cây trồng lâm nghiệp**

1. Đối tượng trồng thử nghiệm

a) Giống cây trồng lâm nghiệp chưa được công nhận, nhập khẩu lần đầu có năng suất, chất lượng cao tại nước xuất khẩu, có nguồn gốc xuất xứ rõ ràng và phù hợp với điều kiện sinh thái nơi trồng thử nghiệm.

b) Giống cây bản địa đã tồn tại lâu dài trong sản xuất có năng suất, chất lượng và giá trị kinh tế cao.

2. Diện tích trồng thử nghiệm tối thiểu 1,0ha đối với cây thân gỗ; tối thiểu 0,2ha đối với cây thân thảo.

3. Thời gian đánh giá kết quả thử nghiệm: cây sinh trưởng nhanh tối thiểu là 36 tháng; cây sinh trưởng chậm tối thiểu là 72 tháng; cây lâm sản ngoài gỗ có sản phẩm được thu hoạch ổn định trong 02 vụ kế tiếp.

**Mục 3**

**CÔNG NHẬN GIỐNG VÀ NGUỒN GIỐNG CÂY TRỒNG LÂM NGHIỆP**

**Điều 12. Đặt tên giống cây trồng lâm nghiệp**

1. Tên giống cây trồng lâm nghiệp không được chấp nhận trong trường hợp sau đây:

a) Chỉ bao gồm chữ số;

b) Vi phạm truyền thống lịch sử, văn hóa, đạo đức và thuần phong mỹ tục của dân tộc;

c) Trùng cách đọc hoặc cách viết với tên của lãnh tụ, anh hùng dân tộc, danh nhân, các loại thực phẩm, đồ uống, dược phẩm;

d) Sử dụng tên cơ quan nhà nước, đơn vị vũ trang nhân dân, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp để làm toàn bộ hoặc một phần tên riêng của giống cây trồng, trừ trường hợp có sự chấp thuận của cơ quan, tổ chức, đơn vị có liên quan;

đ) Dễ gây hiểu nhầm về đặc trưng, đặc tính của giống đó;

e) Dễ gây hiểu nhầm về danh tính của tác giả;

g) Trùng với tên của giống cây trồng lâm nghiệp đã được bảo hộ.

2. Tổ chức, cá nhân mua bán vật liệu nhân giống của giống cây trồng lâm nghiệp phải sử dụng đúng tên giống đã được cấp Quyết định có thẩm quyền công nhận và đặt tên.

**Điều 13. Công nhận giống cây trồng lâm nghiệp**

1. Giống cây trồng lâm nghiệp được công nhận khi đáp ứng các tiêu chí sau, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều này:

a) Giống đã qua khảo nghiệm theo một trong các hình thức quy định tại khoản 2 Điều 9 do các cơ sở khảo nghiệm đủ điều kiện theo quy định tại Điều 10 thực hiện và được đánh giá theo quy định khoản 3 Điều 9 của Nghị định này.

b) Kết quả khảo nghiệm đáp ứng yêu cầu của tiêu chuẩn quốc gia về giống được công nhận, có năng suất, chất lượng tương đương trở lên so với giống cùng loài hoặc nhóm loài đã công nhận được trồng cùng vùng sinh thái. Trường hợp, những giống mới công nhận lần đầu chưa có giống đã công nhận để sử dụng làm giống đối chứng, so sánh thì so sánh với giá trị trung bình về năng suất, chất lượng của giống đó tại nơi lấy giống.

c) Được Tổng cục Lâm nghiệp đề nghị công nhận.

2. Giống cây trồng lâm nghiệp được công nhận đặc cách khi qua trồng thử nghiệm quy định tại Điều 11 Nghị định này, kết quả trồng thử nghiệm có năng suất, chất lượng tương đương trở lên so với giống cùng loài hoặc nhóm loài đã công nhận được trồng cùng vùng sinh thái và được Tổng cục Lâm nghiệp đề nghị công nhận.

3. Trình tự, thủ tục công nhận giống cây trồng lâm nghiệp

a) Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn công nhận giống cây trồng lâm nghiệp.

b) Hồ sơ đề nghị công nhận giống cây trồng lâm nghiệp:

Văn bản đề nghị công nhận giống cây trồng lâm nghiệp theo Mẫu số 01/LN tại Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định này;

Báo cáo kết quả khảo nghiệm giống hoặc trồng thử nghiệm theo Mẫu số 02/LN tại Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định này;

Hồ sơ, tài liệu đối với giống nhập khẩu gồm các thông tin về năng suất, chất lượng, điều kiện sinh thái nơi trồng hoặc nơi khảo nghiệm tại nước xuất khẩu.

c) Trình tự thực hiện:

Tổ chức, cá nhân có nhu cầu công nhận giống cây trồng lâm nghiệp gửi 01 bộ hồ sơ theo quy định tại điểm b khoản 3 Điều này đến Tổng cục Lâm nghiệp. Trường hợp hồ sơ không hợp lệ, trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, Tổng cục Lâm nghiệp có trách nhiệm thông báo cho tổ chức, cá nhân bằng văn bản có nêu rõ lý do;

Trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, Tổng cục Lâm nghiệp thành lập Hội đồng thẩm định, tiến hành thẩm định hồ sơ, thực hiện kiểm tra hiện trường, lập báo cáo thẩm định trình Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn. Hội đồng thẩm định gồm đại diện chuyên gia, nhà khoa học, cơ quan quản lý;

Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được báo cáo thẩm định, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quyết định công nhận giống cây trồng lâm nghiệp theo Mẫu số 03/LN Phụ lục I và Mục A Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định này; trả kết quả cho tổ chức, cá nhân hoặc thông báo bằng văn bản đối với trường hợp không công nhận và nêu rõ lý do.

4. Giống cây trồng lâm nghiệp được phép sản xuất, kinh doanh, xuất khẩu, nhập khẩu sau khi được công nhận.

**Điều 14. Hủy bỏ quyết định công nhận giống cây trồng lâm nghiệp**

1. Quyết định công nhận giống cây trồng lâm nghiệp bị hủy bỏ trong các trường hợp sau:

a) Giống bị thoái hóa, suy giảm về năng suất, chất lượng so với tiêu chuẩn quốc gia về giống được công nhận;

b) Giống không đáp ứng nhu cầu và mục đích trồng rừng.

2. Tổng cục Lâm nghiệp xem xét hồ sơ, kiểm tra thực tế hiện trường và trình Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hủy bỏ quyết định công nhận giống cây lâm nghiệp; thông báo cho chủ sở hữu giống và các cơ quan liên quan; đăng tải thông tin trên Cổng thông tin điện tử của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

**Điều 15. Công nhận nguồn giống cây trồng lâm nghiệp**

1. Tiêu chí công nhận nguồn giống cây trồng lâm nghiệp

a) Đáp ứng các yêu cầu của tiêu chuẩn quốc gia về nguồn giống được công nhận.

b) Được Chi cục Kiểm lâm hoặc Chi Cục lâm nghiệp đề nghị công nhận (đối với nơi không có Chi cục Kiểm lâm hoặc Chi Cục lâm nghiệp thì phòng Lâm nghiệp đề nghị công nhận. Sau đây gọi Chung là Chi cục Kiểm lâm).

2. Trình tự, thủ tục công nhận nguồn giống cây trồng lâm nghiệp

a) Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn công nhận nguồn giống.

b) Hồ sơ đề nghị công nhận nguồn giống:

Văn bản đề nghị công nhận nguồn giống cây trồng lâm nghiệp theo Mẫu số 04/LN Phụ lục tại I ban hành kèm theo Nghị định này;

Báo cáo kỹ thuật về nguồn giống theo Mẫu số 05/LN tại Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định này.

c) Trình tự thực hiện:

Tổ chức, cá nhân có nhu cầu công nhận nguồn giống cây trồng lâm nghiệp nộp 01 bộ hồ sơ theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều này đến Chi cục Kiểm lâm. Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, Chi cục Kiểm lâm có trách nhiệm kiểm tra, hướng dẫn hoàn thiện hồ sơ hoặc thông báo bằng văn bản cho tổ chức, cá nhân có nêu rõ lý do;

Trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Chi cục Kiểm lâm thành lập Hội đồng thẩm định tiến hành thẩm định hồ sơ, thực hiện kiểm tra hiện trường và lập báo cáo thẩm định trình Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn. Hội đồng thẩm định gồm đại diện chuyên gia, nhà khoa học, cơ quan quản lý;

Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được báo cáo thẩm định, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quyết định công nhận nguồn giống theo Mẫu số 05/LN tại Phụ lục I và Mục B tại Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định này; trả kết quả cho tổ chức, cá nhân hoặc thông báo bằng văn bản có nêu rõ lý do đối với trường hợp không công nhận.

d) Thời hạn của quyết định công nhận nguồn giống: 15 năm đối với vườn giống; 07 năm đối với rừng giống trồng; 05 năm đối với rừng giống chuyển hóa, lâm phần tuyển chọn; 10 năm đối với cây trội, vườn cây đầu dòng cung cấp vật liệu ghép; 03 năm đối với vườn cây đầu dòng cung cấp hom.

đ) Sau thời hạn sử dụng quy định tại điểm đ khoản 2 Điều này, các nguồn giống muốn tiếp tục sử dụng phải được đánh giá và công nhận lại theo quy định tại các điểm a, b, c, d, đ khoản 2 Điều này. Đối với vườn cây đầu dòng cung cấp hom không thực hiện công nhận lại.

**Điều 16. Hủy bỏ quyết định công nhận nguồn giống**

1. Quyết định công nhận nguồn giống cây lâm nghiệp bị hủy bỏ khi thuộc một trong các trường hợp sau:

a) Nguồn giống bị thoái hóa, suy giảm về năng suất, chất lượng so với tiêu chuẩn quốc gia về nguồn giống được công nhận;

b) Nguồn giống không đáp ứng nhu cầu và mục đích trồng rừng.

2. Chi cục Kiểm lâm xem xét hồ sơ, kiểm tra thực tế hiện trường và trình Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hủy bỏ quyết định công nhận nguồn giống cây lâm nghiệp; thông báo cho chủ sở hữu nguồn giống và các cơ quan liên quan; đăng tải thông tin lên Cổng thông tin điện tử của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

**Mục 4**

**QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG VẬT LIỆU GIỐNG CÂY TRỒNG LÂM NGHIỆP**

**Điều 17. Yêu cầu chung về quản lý chất lượng vật liệu giống cây trồng lâm nghiệp**

1. Quản lý chất lượng vật liệu giống cây trồng lâm nghiệp bao gồm quản lý chất lượng giống và quản lý chất lượng vật liệu nhân giống theo quy định của Nghị định này và pháp luật về chất lượng sản phẩm, hàng hóa.

2. Đối với giống cây trồng lâm nghiệp chính chỉ đưa vào sản xuất, kinh kinh doanh các giống, nguồn giống được công nhận.

3. Chất lượng vật liệu giống cây trồng lâm nghiệp được quản lý trên cơ sở tiêu chuẩn về chất lượng do tổ chức, cá nhân công bố áp dụng.

**Điều 18. Yêu cầu đối với vật liệu giống cây trồng lâm nghiệp chính**

1. Đối với lô hạt giống: lô hạt giống phải thu hái từ nguồn giống được công nhận còn thời hạn sử dụng; chất lượng hạt giống đảm bảo theo tiêu chuẩn quốc gia về hạt giống.

2. Đối với cây giống trong bình mô: cây giống trong bình mô phải sản xuất từ giống được công nhận, đảm bảo chất lượng theo tiêu chuẩn quốc gia về cây mầm mô.

3. Đối với lô cây giống: cây giống phải được sản xuất từ cây trong bình mô hoặc vật liệu nhân giống được thu hái từ nguồn giống đã công nhận còn thời hạn sử dụng, bảo đảm chất lượng theo tiêu chuẩn quốc gia về cây giống.

4. Vật liệu giống quy định tại khoản 1, khoản 2 và khoản 3 Điều này khi chưa có tiêu chuẩn quốc gia thực hiện theo tiêu chuẩn cơ sở.

**Điều 19. Hồ sơ vật liệu giống cây trồng lâm nghiệp**

1. Thành phần hồ sơ:

a) Đối với lô hạt giống: Bảng kê vật liệu giống; bản chụp quyết định công nhận nguồn giống; phiếu xuất kho và hóa đơn bán hàng, trong đó ghi rõ khối lượng hạt giống và mã số của nguồn giống thu hái hạt giống;

b) Đối với cây giống trong bình mô: Bảng kê vật liệu giống; bản chụp quyết định công nhận giống hoặc hợp đồng mua giống; phiếu xuất kho và hóa đơn bán hàng, trong đó ghi rõ số lượng cây mầm mô và tên, mã số của giống sản xuất;

c) Đối với lô cây giống: Bảng kê vật liệu giống;các hồ sơ liên quan khác của nguồn gốc vật liệu nhân giống để sản xuất cây giống (hóa đơn tài chính, phiếu xuất kho, quyết định công nhận nguồn giống).

2. Tổ chức, cá nhân có hoạt động sản xuất, kinh doanh giống cây trồng lâm nghiệp lập bảng kê theo Mẫu số 07/LN hoặc Mẫu số 08/LN hoặc Mẫu số 09/LN Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định này và chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác của nguồn gốc vật liệu giống tại bảng kê vật liệu giống.

**Điều 20. Ghi nhãn giống cây lâm nghiệp và quảng cáo giống**

1. Nội dung ghi nhãn giống cây lâm nghiệp

a) Đối với hạt giống: Tên loài cây (tên khoa học); khối lượng hạt; ngày chế biến xong; thời hạn sử dụng; nơi thu hái; phương pháp bảo quản; cơ sở sản xuất: tên, địa chỉ.

b) Đối với bình mô: Tên loài cây (tên khoa học); tên giống; mã số giống được công nhận; lô sản xuất: ngày, tháng, năm; cơ sở sản xuất: tên, địa chỉ; thời hạn cấy cây: từ ngày . . . xuất giống đến ngày… .

c) Đối với cây giống và vật liệu giống khác không ghi nhãn nhưng phải có hồ sơ theo quy định tại Điều 19 Nghị định này.

2. Quảng cáo giống cây trồng lâm nghiệp

a) Giống cây trồng lâm nghiệp đã được công nhận được quảng cáo theo quy định của pháp luật về quảng cáo.

b) Nội dung quảng cáo giống cây trồng lâm nghiệp phải theo đúng nội dung trong Quyết định được công nhận.

3. Trường hợp giống cây trồng nhập khẩu với mục đích triển lãm, hội chợ thì thực hiện quảng cáo theo nội dung giấy phép nhập khẩu giống cây trồng đã được cơ quan có thẩm quyền cấp.

**Điều 21. Công bố tiêu chuẩn vật liệu giống cây trồng lâm nghiệp**

1. Tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh giống cây trồng lâm nghiệp phải công bố tiêu chuẩn vật liệu giống do mình sản xuất, kinh doanh và đáp ứng tiêu chuẩn quốc gia, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều này.

2. Trường hợp chưa có tiêu chuẩn quốc gia thì áp dụng tiêu chuẩn cơ sở.

**Mục 5**

**SẢN XUẤT, KINH DOANH GIỐNG CÂY TRỒNG LÂM NGHIỆP**

**Điều 22. Điều kiện của tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh giống cây trồng lâm nghiệp**

1. Tổ chức, cá nhân sản xuất giống cây trồng lâm nghiệp phải đáp ứng các điều kiện sau đây:

a) Có địa điểm, cơ sở hạ tầng, trang thiết bị đáp ứng yêu cầu về loại giống sản xuất.

b) Trường hợp tổ chức cá nhân sản xuất giống cây trồng lâm nghiệp chính phải sử dụng vật liệu giống từ giống, nguồn giống được công nhận.

2. Tổ chức, cá nhân kinh doanh giống cây trồng phải có địa điểm giao dịch hợp pháp và bảo đảm truy xuất nguồn gốc lô giống cây trồng.

**Điều 23. Sản xuất, kinh doanh giống cây trồng lâm nghiệp**

1. Trước khi kinh doanh giống cây trồng lâm nghiệp tổ chức, cá nhân có trách nhiệm gửi thông báo qua thư điện tử hoặc gửi trực tiếp hoặc gửi qua đường bưu điện tới Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn gồm các thông tin sau: Địa chỉ giao dịch, tên chủ cơ sở hoặc người đại diện hợp pháp, điện thoại liên hệ để đăng tải trên Cổng thông tin điện tử của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

2. Tổ chức, cá nhân kinh doanh giống cây trồng phải có hồ sơ bảo đảm truy xuất nguồn gốc lô giống, gồm: Thông tin về hợp đồng, hóa đơn mua bán lô giống; hồ sơ chất lượng lô giống, nhãn phù hợp quy định tại Điều 20 Nghị định này. Các thông tin về nguồn vật liệu nhân giống đã sử dụng, tiêu chuẩn công bố áp dụng, số lượng cây, thời gian giao nhận cây.

3. Sản xuất giống cây trồng lâm nghiệp được thực hiện theo phương pháp nhân giống hữu tính và phương pháp nhân giống vô tính theo tiêu chuẩn quốc gia về sản xuất giống cây trồng lâm nghiệp; trường hợp không có tiêu chuẩn quốc gia thì áp dụng tiêu chuẩn cơ sở.

4. Vật liệu nhân giống để sản xuất cây giống bằng nuôi cấy mô phải lấy từ giống gốc hoặc giống phục tráng và chỉ được sử dụng trong 02 năm.

5. Tổ chức, cá nhân tự chịu trách nhiệm về số lượng và chất lượng vật liệu giống do mình sản xuất, kinh doanh.

6. Tổ chức, cá nhân kinh doanh vật liệu giống có trách nhiệm bàn giao cho khách hàng hồ sơ liên quan đến vật liệu giống khi xuất bán để sử dụng trong quá trình vận chuyển, lưu thông và sử dụng vật liệu giống.

7. Bảng kê vật liệu giống và hồ sơ liên quan chứng minh nguồn gốc vật liệu giống hợp pháp phải được lưu giữ tại tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh và sử dụng giống.

8. Các cơ sở sản xuất kinh doanh giống cây trồng lâm nghiệp (nếu có thay đổi thông tin) phải gửi văn bản đến Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn nơi sản xuất kinh doanh các thông tin gồm: Địa chỉ giao dịch, tên chủ cơ sở hoặc người đại diện hợp pháp, điện thoại liên hệ.

9. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đăng tải các thông tin liên quan đến sản xuất, kinh doanh giống cây trồng lâm nghiệp trên Cổng thông tin điện tử của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

**Mục 6**

**XUẤT KHẨU, NHẬP KHẨU GIỐNG CÂY TRỒNG LÂM NGHIỆP**

**Điều 24. Xuất khẩu giống cây trồng lâm nghiệp**

1. Giống cây trồng lâm nghiệp thuộc Danh mục thực vật rừng, động vật rừng nguy cấp, quý, hiếm, Phụ lục của Công ước về buôn bán quốc tế các loài động vật, thực vật hoang dã nguy cấp (CITES) thực hiện xuất khẩu theo quy định của Chính phủ về quản lý thực vật rừng, động vật rừng nguy cấp, quý, hiếm và thực thi Công ước CITES.

2. Giống cây trồng lâm nghiệp không thuộc trường hợp quy định tại khoản 1 Điều này, trước khi xuất khẩu 30 ngày, tổ chức, cá nhân xuất khẩu phải có thông báo bằng văn bản đến Tổng cục Lâm nghiệp.

**Điều 25. Nhập khẩu giống cây trồng lâm nghiệp**

1. Giống cây trồng lâm nghiệp thuộc các Phụ lục của CITES, thực hiện nhập khẩu theo quy định của Chính phủ về quản lý thực vật rừng, động vật rừng nguy cấp, quý, hiếm và thực thi Công ước CITES.

2. Giống cây trồng lâm nghiệp đã được công nhận tại Việt Nam và không thuộc trường hợp quy định tại khoản 1 Điều này, khi nhập khẩu thực hiện theo quy định của pháp luật về hải quan, thương mại, quản lý ngoại thương và kiểm dịch thực vật. Sau 15 ngày kể từ ngày đăng ký tờ khai nhập khẩu, các tổ chức, cá nhân nhập khẩu phải thông báo đến Tổng cục Lâm nghiệp.

3. Nhập khẩu giống cây trồng lâm nghiệp chưa được công nhận tại Việt Nam và không thuộc trường hợp quy định tại khoản 1 Điều này phải được Tổng cục Lâm nghiệp cho phép.

4. Hồ sơ đề nghị nhập khẩu giống cây trồng lâm nghiệp:

a) Văn bản đề nghị nhập khẩu giống cây trồng lâm nghiệp theo Mẫu số 10/LN tại Phụ lục III ban hành kèm theo Nghị định này;

b) Bản chính lý lịch giống cây trồng lâm nghiệp đề nghị nhập khẩu theo Mẫu số 11/LN tại Phụ lục III ban hành kèm theo Nghị định này;

c) Bản chính hoặc bản sao có chứng thực hợp đồng mua bán giống hoặc hợp đồng tặng cho giống cây trồng lâm nghiệp của các bên.

d) Bản chính hoặc bản sao có chứng thực hồ sơ thiết kế kỹ thuật trồng khảo nghiệm, trồng thử nghiệm đối với lần đầu nhập khẩu; báo cáo kết quả nhập khẩu, khảo nghiệm, thử nghiệm của lần nhập khẩu liền trước đối với các lần nhập khẩu hiện tại đối với trường hợp nhập khẩu giống cây trồng lâm nghiệp để trồng khảo nghiệm, trồng sản xuất thử nghiệm;

d) Bản chính hoặc bản sao có chứng thực văn bản của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn sở tại chấp thuận phương án và đề nghị cho nhập khẩu đối với trường hợp nhập khẩu giống cây trồng lâm nghiệp để làm cây cảnh, cây bóng mát;

đ) Bản chính hoặc bản sao có chứng thực văn bản thỏa thuận hợp tác bằng tiếng nước ngoài kèm theo 01 bản dịch sang tiếng Việt có xác nhận của cơ quan dịch thuật được công nhận;

e) Bản chính hoặc bản sao có chứng thực giấy xác nhận hoặc giấy mời tham gia hội chợ, triển lãm tại Việt Nam đối với trường hợp nhập khẩu giống cây trồng lâm nghiệp để tham gia hội chợ, triển lãm;

g) Bản sao có chứng thực giấy xác nhận giữa hai bên bằng tiếng nước ngoài kèm theo 01 bản dịch sang tiếng Việt có xác nhận của cơ quan dịch thuật được công nhận đối với trường hợp nhập khẩu giống cây trồng lâm nghiệp để làm quà tặng;

h) Bản sao (mang theo bản chính để đối chiếu) hoặc bản sao có chứng thực văn bản phê duyệt hoặc chấp thuận chương trình, dự án đầu tư của cơ quan nhà nước có thẩm quyền hoặc dự án được doanh nghiệp phê duyệt theo quy định của pháp luật đối với trường hợp nhập khẩu để thực hiện các chương trình, dự án đầu tư.

5. Cách thức gửi hồ sơ: Tổ chức, cá nhân nhập khẩu gửi trực tiếp hoặc qua bưu điện hoặc dịch vụ bưu chính công ích.

6. Trình tự thực hiện:

a) Tổ chức, cá nhân gửi 01 bộ hồ sơ quy định tại khoản 4 Điều này tới Tổng cục Lâm nghiệp. Trường hợp hồ sơ không hợp lệ, trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ, Tổng cục Lâm nghiệp hướng dẫn tổ chức, cá nhân hoàn thiện hồ sơ hoặc trả lại bằng văn bản có nêu rõ lý do.

b) Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ đầy đủ hợp lệ, Tổng cục Lâm nghiệp cấp giấy phép nhập khẩu giống cây trồng lâm nghiệp theo Mẫu số 12/LN tại Phụ lục III ban hành kèm theo Nghị định này; trường hợp từ chối cấp giấy phép, phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

7. Thời hạn có hiệu lực của giấy phép nhập khẩu không quá 12 tháng kể từ ngày được cấp.

**Chương III**

**TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

**Điều 26. Trách nhiệm của các Bộ và cơ quan ngang Bộ**

1. Trách nhiệm của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

a) Chỉ đạo hướng dẫn thực hiện hoạt động về giống cây lâm nghiệp;

b) Xây dựng nhiệm vụ khoa học và công nghệ về nghiên cứu, chọn, tạo giống cây trồng lâm nghiệp mới phù hợp với yêu cầu của từng giai đoạn nhằm nâng cao năng suất, chất lượng rừng trồng.

c) Xây dựng tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia, quy trình sản xuất trong lĩnh vực giống cây trồng lâm nghiệp theo quy định;

d) Xây dựng hệ thống cơ sở dữ liệu, thông tin; thực hiện thống kê, báo cáo về giống cây trồng lâm nghiệp;

đ) Tổ chức nghiên cứu, ứng dụng khoa học và công nghệ; điều tra cơ bản, thu thập, quản lý các thông tin, tư liệu và hợp tác quốc tế trong lĩnh vực giống cây trồng lâm nghiệp;

e) Chỉ đạo tổ chức thanh tra, kiểm tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo, xử lý vi phạm pháp luật về giống cây trồng lâm nghiệp theo thẩm quyền.

2. Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình, có trách nhiệm phối hợp với Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước về hoạt động giống cây trồng lâm nghiệp.

**Điều 27. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh**

1. Chỉ đạo, tổ chức thực hiện các quy định về quản lý giống cây trồng lâm nghiệp trên địa bàn; hướng dẫn, ban hành quy trình sản xuất phù hợp với điều kiện của địa phương;

2. Đề xuất, đặt hàng nhiệm vụ khoa học và công nghệ trong lâm nghiệp phù hợp với phát triển kinh tế - xã hội của địa phương theo từng giai đoạn.

3. Tổ chức tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật, tập huấn kiến thức về giống cây trồng lâm nghiệp;

4. Xây dựng hệ thống cơ sở dữ liệu, thông tin; thực hiện thống kê, báo cáo về giống cây trồng lâm nghiệp trên địa bàn;

5. Chỉ đạo thanh tra, kiểm tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo, xử lý vi phạm pháp luật về giống cây trồng lâm nghiệp theo thẩm quyền.

**Chương IV**

**ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH**

**Điều 28. Hiệu lực thi hành**

1. Nghị định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày tháng năm 2021.

2. Nghị định này bãi bỏ các quy định tại các văn bản sau đây:

a) Chương III, Thông tư số [30/2018/TT-BNNPTNT](https://thukyluat.vn/vb/thong-tu-18-2012-tt-bnnptnt-quan-ly-san-xuat-kinh-doanh-giong-cay-cong-nghiep-21d9a.html) ngày 16 tháng 11 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành Thông tư quy định Danh mục loài cây trồng lâm nghiệp chính; công nhận giống và nguồn giống; quản lý vật liệu giống cây trồng lâm nghiệp chính

b) Điều 4, Thông tư số [43/2018/TT-BNNPTNT](https://thukyluat.vn/vb/thong-tu-18-2012-tt-bnnptnt-quan-ly-san-xuat-kinh-doanh-giong-cay-cong-nghiep-21d9a.html) ngày 28 tháng 12 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định một số nội dung về xuất khẩu, nhập khẩu giống cây trồng, giống vật nuôi, nguồn gen cây trồng; nhập khẩu thuốc bảo vệ thực vật và nhập khẩu vật thể trong Danh mục vật thể thuộc diện kiểm dịch thực vật phải phân tích nguy cơ dịch hại trước khi nhập khẩu vào Việt Nam.

**Điều 29. Quy định chuyển tiếp**

Nhãn giống cây trồng lâm nghiệp, bao bì gắn nhãn đúng quy định tại Pháp lệnh giống cây trồng năm 2004 đã được sản xuất, in ấn trước ngày Nghị định này có hiệu lực được tiếp tục sử dụng, nhưng không quá 01 năm kể từ ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành.

**Điều 30. Trách nhiệm thi hành**

1. Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chịu trách nhiệm tổ chức thi hành Nghị định này.

2. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này./.

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:*** - Ban Bí thư Trung ương Đảng; - Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ; - Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ; - HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương; - Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng; - Văn phòng Tổng Bí thư; - Văn phòng Chủ tịch nước; - Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội; - Văn phòng Quốc hội; - Tòa án nhân dân tối cao; - Viện kiểm sát nhân dân tối cao; - Kiểm toán Nhà nước; - Ủy ban Giám sát tài chính Quốc gia; - Ngân hàng Chính sách Xã hội; - Ngân hàng Phát triển Việt Nam; - Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam; - Cơ quan trung ương của các đoàn thể; - Quỹ Đổi mới công nghệ Quốc gia; - VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg, TGĐ Cổng TTĐT, các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc, Công báo; - Lưu: VT, NN (2b). | **TM. CHÍNH PHỦ**  **THỦ TƯỚNG**  **Nguyễn Xuân Phúc** |